TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lữ Khắc Hồi.

Bà Thi Thị Thanh Trúc.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Kim P trình bày: Năm 2007 chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thường xuyên cải vả do anh T rượu chè, cờ bạc, vô cớ kiếm chuyện đánh đập vợ con. Sau đó anh T bỏ đi ra ngoài sống từ tháng 9/2023 và hai bên ly thân từ đó. Nay yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn Quang L sinh ngày 16/5/2006 đã trưởng thành; Nguyễn Kim C sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Kim N sinh ngày 02/10/2020 yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000/tháng/bé cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình hôn nhân tạo dựng được khối tài sản chung sau:

1- Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.394m², mục đích sử dụng trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2- Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.812m², mục đích sử dụng trồng lúa, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3- Thửa số 50, tờ bản đồ số 5, diện tích 13.382m², mục đích sử dụng LUK, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Yêu cầu được thụ hưởng 50% diện tích các thửa đất trên.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông Thôn chi nhánh huyện T, tỉnh Trà Vinh: 100.000.000đ; Nợ bà Huỳnh Thị Loan: 30.000.000đ; Nợ bà Trần Thị Cầm: 9.000.000đ; Nợ ông Nguyễn Văn Cương: 15.000.000đ; Nợ bà Nguyễn Kim Pho 2 chỉ vàng 24K, giá tạm tính: 12.000.000đ; Nợ ông Nguyễn Văn Vẹn: 10.000.000đ. Yêu cầu chia đôi mỗi người phải có nghĩa vụ trả 50% số tiền nợ.

* Con chung Nguyễn Quang L và Nguyễn Kim C trình bày tại bản tự khai ngày 10/5/2024: Nguyện vọng là được sống chung với chị Nguyễn Kim P và xin vắng mặt.

* Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải để các đương sự hòa giải, có cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên họp, hòa giải anh T vắng mặt nên không tiến hành việc hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng, xin rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

* Kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim P, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Con chung Nguyễn Quang L sinh ngày 16/5/2006 đã trưởng thành; Nguyễn Kim C sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Kim N sinh ngày 02/10/2020 giao cho chị P quyền nuôi dưỡng. Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000/tháng/bé cho

đến khi con đủ 18 tuổi. Đình chỉ đối với yêu cầu về tranh chấp tài sản chung, nợ chung. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Kim P khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn T, anh T có nơi cư trú tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án đưa bị đơn là anh Nguyễn Văn T tham gia tố tụng, thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại các Điều 68, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do anh T vắng mặt. Tại phiên tòa chị P có mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 2007 chị Nguyễn Kim P và anh Nguyễn Văn T kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung chị P trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2023, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, anh T rượu chè, cờ bạc, vô cớ kiếm chuyện đánh đập vợ con. Sau đó anh T bỏ đi ra ngoài sinh sống không có trách nhiệm với gia đình, liên lạc vợ con. Vì mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu của chị P cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T biết nhưng vẫn không đến, như vậy chứng minh anh T không có thiện chí mong muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm với chị P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2024 của bà Lê Ngọc T là mẹ ruột Nguyễn Văn T cho biết anh T hiện đi làm ở xa không có về được, ý kiến của anh T là giải quyết đơn phương và xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của chị P và anh T không còn, hai người ly thân từ tháng 9/2023 đến nay bỏ mặc nhau, không yêu thương giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P.

[3.2] Về con chung: Nguyễn Quang L sinh ngày 16/5/2006 đã trưởng thành, Nguyễn Kim C sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Kim N sinh ngày 02/10/2020 hiện đang sống cùng chị P và chị có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng. Các con L, C có nguyện vọng sống chung với chị P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho chị P quyền nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn như sau: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Xét về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thì cả cha và mẹ đều phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung cho nên chị P là người trực tiếp nuôi hai con chung là cháu C và cháu N thì anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của anh T. Nên yêu cầu của chị P, yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C và cháu N theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng số tiền là 1.500.000đ/con cho đến khi con đủ 18 tuổi là hợp lý và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ngày 02/5/2024 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3.5] Về án phí: Nguyên đơn chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim P.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Nguyễn Quang L sinh ngày 16/5/2006 đã trưởng thành. Nguyễn Kim C sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Kim N sinh ngày 02/10/2020 giao cho chị Nguyễn Kim Pha quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Kim C sinh ngày 14/12/2013 và Nguyễn Kim N sinh ngày 02/10/2020 mỗi tháng 1.500.000đ trên mỗi con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Đình chỉ yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Kim P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.290.500đ tại biên lai thu tiền số 0002788 ngày 03/4/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, hoàn trả lại cho chị P số tiền 4.990.500đ chị P liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để nhận lại. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, anh T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Bảo Trân